

Số: 52/2022/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 88/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị Mai T, sinh năm 1992;

HKTT: Đội 1, xã T K, huyện C L, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện tại: Khu 5 H P, phường M N, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

HKTT: Đội 1, xã T K, huyện C L, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ hiện tại: Hàn Quốc, gyongydo, yonginshi, joingu, uansammien, số 6, đường 106.

(Chị T và anh T đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 02/8/2022 và các lời khai tiếp theo, chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2019 anh T đi Hàn Quốc, từ đó đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, mục đích hôn nhân không

đạt được. Nên chị T và anh T thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Thành A, sinh ngày 11/8/2016. Sau ly hôn hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Thành An cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu A 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T và anh T đều xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định: Chị T xin tự chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Chị T và anh T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, theo đơn đề nghị của chị T, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Văn T tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con ngày 02/8/2022; Giấy ủy quyền giải quyết ly hôn vắng mặt ngày 30/7/2022; Bản cam kết ngày 30/7/2022 so với mẫu so sánh chữ ký, chữ viết của anh T trong bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/3/2016 có phải do cùng một người ký ra hay không? Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ đã ra kết luận giám định số 1518/KL-KTHS ngày 07/11/2022 đối với đối tượng giám định nêu trên.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 điều 39; khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Thành A, sinh ngày 11/8/2016 cho chị Lê Thị Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung: 5.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Lệ phí giải quyết việc dân sự, chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Mai T chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T đều có hộ khẩu thường trú tại Đội 1, xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Tại công văn số 23649/QLXNC ngày 04/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định anh Nguyễn Văn T xuất cảnh ngày gần nhất ngày 03/8/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền.

Chị T và anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt Chị T và anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại kết luận giám định số: 1518/KL-KTHS ngày 07/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Thuận và các chữ “Nguyễn Văn Thuận” dưới mục “Chồng; Người viết” trên “Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con; Giấy ủy quyền giải quyết ly hôn vắng mặt; Bản cam kết” so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Thuận và các chữ “Nguyễn Văn Thuận” dưới mục: “Chồng” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con và các văn bản nêu trên thể hiện đúng ý chí của anh T nên có giá trị sử dụng để giải quyết vụ án.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2019 anh T đi Hàn Quốc, từ đó đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của Chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Thành A, sinh ngày 11/8/2016. Chị T và anh T thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định: Chị Lê Thị Mai T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí, chi phí giám định nên cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Lê Thành A, sinh ngày 11/8/2016. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Lê Thị Mai T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000078 ngày 27/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Về chi phí giám định: Chị Lê Thị Mai T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

[6] Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T K, huyện C K;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Anh Tuấn